

TỘI TRỘM CẤP TÀI SẢN TRONG BỘ LUẬT HỒNG ĐỨC

ThS. HOANG VĂN HÙNG *

1. Theo Bộ luật Hồng Đức, tội trộm cắp tài sản là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cao trong các tội phạm xảy ra trong xã hội phong kiến. Sự đánh giá này được thể hiện tại quy định về hình phạt đối với người phạm tội trộm cắp tài sản và cách thức sắp xếp vị trí của các quy định của tội trộm cắp tài sản trong các quy định về tội phạm.⁽¹⁾

Người phạm tội trộm cắp tài sản trong một số trường hợp cụ thể bị đe dọa áp dụng hình phạt cao nhất là tử hình và được thực hiện bằng hình thức chém đầu (Điều 430, 431, 433).⁽²⁾

Trong Chương “Đạo tặc” của Bộ luật Hồng Đức, tội trộm cắp tài sản được quy định sau các tội xâm phạm an ninh quốc gia, tội xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, danh dự nhân phẩm con người như các tội mưu làm phản, tội mưu đại nghịch, tội phản nước theo giặc, tội giết người, tội làm người bị thương, tội hiếp dâm.⁽³⁾ Như vậy, theo cách sắp xếp này tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội trộm cắp tài sản chỉ thấp hơn các tội xâm phạm an ninh quốc gia và các tội xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, danh dự nhân phẩm con người.

Bộ luật Hồng Đức không có quy định chung về tội trộm cắp tài sản. Tội trộm cắp tài sản được quy định tại nhiều điều luật theo đối tượng tác động của tội phạm, theo chủ thể của tội phạm hoặc theo nhân thân người phạm tội và theo hoàn cảnh phạm tội. Do cách quy định rất đặc biệt này nên có tới 29 Điều luật cụ thể quy định về tội trộm cắp tài sản.

Căn cứ theo đối tượng tác động của tội phạm có các tội trộm cắp tài sản sau đây: Tội lấy trộm ấn, xe, kiệu, đồ ngự dụng của vua (Điều 430), tội lấy trộm những đồ thờ trong lăng, miếu (Điều 431), tội lấy trộm những đồ cúng thần, phật (Điều 432), tội trộm, phá tượng thần (Điều 433), tội lấy trộm những đồ trong cung (Điều 434), tội lột lấy quần áo, đồ vật của trẻ em, người điên, người say (Điều 435), tội lấy trộm đồ vật của sứ thần ngoại quốc (Điều 438), tội đào và lấy trộm đồ vật nơi mồ mả (Điều 442), tội lấy trộm trâu, ngựa thuyền bè (Điều 444), tội bắt trộm cá tại đầm ao (Điều 445), tội bắt trộm gà, lợn, lấy trộm lúa (Điều 446) và tội lấy trộm văn tự cầm cố (Điều 448).

Trong các tội trộm cắp tài sản trên đây hành vi trộm cắp tài sản của vua có tính chất nguy hiểm cho xã hội cao nhất, người phạm các tội này bị xử chém. Đối với các tội trộm cắp tài sản khác, người phạm tội chỉ bị phạt khổ sai hoặc lưu đầy. Hành vi lấy đi các tài sản của trẻ em, người điên, người say cũng được coi là trộm cắp tài sản. Trong trường hợp cụ thể này, người bị hại không thể nhận thức hoặc nhận thức không đầy đủ về hành vi của người phạm tội và theo quy định của Bộ luật Hồng Đức thì chúng vẫn thuộc về tội trộm cắp tài sản, người phạm tội trong trường

* Giảng viên chính Khoa luật hình sự
Trường Đại học Luật Hà Nội

hợp này sẽ bị phạt khổ sai và bồi thường gấp đôi giá trị tài sản đã lấy của người bị hại.

Đối tượng tác động của tội trộm cắp tài sản theo Bộ luật Hồng Đức không chỉ là những đồ vật nhất định, chúng có thể là quyền về tài sản. Trong trường hợp cầm cố tài sản, người đã nhận cầm cố tài sản của người khác lại đi lấy trộm các văn tự cầm cố thì hành vi này cũng bị coi là trộm cắp tài sản. Trong trường hợp này, người có tài sản đem đi cầm sẽ bị thiệt hại về tài sản, họ không thể lấy lại hoặc chuộc lại các tài sản cầm cố do đã mất các văn tự này và quyền sở hữu của họ do đó bị xâm phạm.

Tài sản là đối tượng tác động trong các tội trộm cắp tài sản không nhất thiết phải có sự quản lí, trông coi, bảo vệ thường xuyên và có nơi cất giữ riêng. Các hành vi lấy các sản vật nông nghiệp như lúa ngoài đồng, cá trong các đầm, ao cũng được coi là trộm cắp tài sản. Trong các trường hợp này người phạm tội bị phạt khổ sai và phải bồi thường gấp đôi giá trị tài sản đã chiếm đoạt cho người chủ sở hữu.

Dựa vào chủ thể của tội phạm và nhân thân người phạm tội có các tội trộm cắp tài sản sau: Tội đầy tớ trộm cắp đồ vật của chủ (Điều 441), tội quân túc vệ, người hầu trong cung lấy tài sản của nhau (Điều 434), tội quan giám lâm, người coi kho lấy tài sản trong kho (Điều 437), tội những người thân thuộc lấy tài sản của nhau (Điều 439), tội con cháu ít tuổi đưa người ngoài về lấy tài sản của bậc tôn trưởng (Điều 440), tội trộm cắp lần đầu (Điều 429) và tội trộm cắp của kẻ trộm đã có tiếng hoặc tái phạm (Điều 429).

Theo quan niệm của luật hình sự hiện đại

thì tội trộm cắp tài sản là loại tội phạm có chủ thể thường. Bất kì người nào có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi luật định cũng có thể trở thành chủ thể của tội trộm cắp tài sản. Bộ luật Hồng Đức khi quy định về tội trộm cắp tài sản chú ý đặc biệt đến mối quan hệ giữa người phạm tội và người bị hại, tùy theo tính chất của mối quan hệ này hình phạt đối với người trộm cắp tài sản có thể được tăng lên hoặc giảm đi so với trường hợp trộm cắp tài sản thông thường. Đối với một số tội phạm cụ thể khác cũng có cách quy định tương tự.⁽⁴⁾

Nếu người phạm tội là đầy tớ trong nhà lấy tài sản của người chủ thì hình phạt đối với người đó được tăng lên. Nếu là người thân thuộc cùng ở chung với nhau lại lấy trộm tài sản của nhau thì hình phạt lại được giảm nhẹ. Trường hợp con, cháu trong gia đình còn ít tuổi đưa người ngoài về lấy tài sản của bậc tôn trưởng thì hình phạt đối với người phạm tội là con, cháu cũng được giảm đi.

Tuy không có quy định chung về tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm như luật hình sự hiện đại nhưng trong Bộ luật Hồng Đức các nhà lập pháp đã phân hoá trách nhiệm hình sự người phạm tội trộm cắp tài sản theo đặc điểm về nhân thân người phạm tội. Người trộm cắp tài sản lần đầu thì bị phạt lưu đầy, nếu tái phạm thì phạt chém đầu. Nếu người phạm tội trộm cắp tài sản đã nổi danh trong thiên hạ (kẻ trộm đã có tiếng) thì cũng bị phạt chém đầu.

Địa điểm phạm tội trong luật hình sự hiện đại thông thường không là tình tiết để tăng nặng trách nhiệm hình sự của người phạm tội nói chung và tội trộm cắp tài sản

nói riêng. Theo Bộ luật Hồng Đức, hành vi trộm cắp tài sản xảy ra trong cung điện có tính chất nguy hiểm hơn ở những địa điểm bình thường khác.

Nếu người hầu hạ trong cung điện hoặc quân túc hạ lấy tài sản của nhau trong phạm vi cung điện cũng bị xử nặng hơn tội trộm cắp thông thường. Tương tự như vậy, nếu là người ngoài vào cung điện lấy tài sản của người khác trong cung (không phải tài sản thuộc về nhà vua) thì cũng bị tăng nặng hình phạt. Địa điểm phạm tội trong các trường hợp cụ thể này trở thành một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của người phạm tội trộm cắp tài sản.

Căn cứ vào hoàn cảnh phạm tội có các tội trộm cắp tài sản sau: Tội trộm cắp ban đêm (Điều 439), tội trộm cắp vật ban ngày (Điều 429) và tội thừa cơ có trộm, chấy, lụt lấy tài sản người lâm nạn (Điều 435).

Hoàn cảnh phạm tội là một dấu hiệu thuộc về mặt khách quan của tội phạm. Trong luật hình sự hiện đại, nếu người phạm tội lợi dụng hoàn cảnh khó khăn đặc biệt của xã hội như chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh... để phạm tội thì trách nhiệm hình sự của người phạm tội bị tăng nặng (điểm 1 khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự).⁽⁵⁾

Theo Điều 435 Bộ luật Hồng Đức, người phạm tội lợi dụng hoàn cảnh thiên tai như lụt, chấy hoặc khi có trộm cướp xảy ra mà trộm cắp tài sản của người khác thì hình phạt của người phạm tội không bị tăng mà lại được giảm đi so với trường hợp trộm cắp bình thường. Hình phạt đối với người phạm tội trong trường hợp này chỉ tương đương với hình phạt được áp dụng đối với người

nhặt được của rơi không trả lại cho người đã để mất tài sản.

Giống như luật hình sự hiện đại, thời gian phạm tội không ảnh hưởng nhiều đến trách nhiệm hình sự của tội trộm cắp tài sản, trong quy định về tội trộm cắp tài sản của Bộ luật Hồng Đức thì trường hợp trộm cắp tài sản ban đêm có hình phạt tương tự như trộm cắp ban ngày, đều bị phạt lưu đầy.

Theo Bộ luật Hồng Đức, tội trộm cắp tài sản được quan niệm là hành vi lấy tài sản của người khác mà không dùng vũ lực. Do có quan niệm như vậy nên không có sự phân biệt giữa tội trộm cắp tài sản với các tội xâm phạm sở hữu khác như tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội tham ô tài sản, tội chiếm giữ trái phép tài sản... như trong các bộ luật hình sự hiện đại ngày nay.

2. Đặc điểm nổi bật của về kỹ thuật lập pháp hình sự khi quy định tội trộm cắp tài sản trong Bộ luật Hồng Đức là trong một điều luật cụ thể các nhà lập pháp quy định nhiều tội phạm khác nhau tuy giữa chúng có mối quan hệ nhất định.

Ví dụ: Điều 429 quy định về tội trộm cắp tài sản nhưng bên cạnh đó còn quy định tội chứa chấp, tiêu thụ tài sản trộm cắp, tội không tố giác người phạm tội trộm cắp tài sản. Điều 443 quy định tội trộm cắp đồ vật nơi mồ mã và tội xâm phạm mồ mã, hài cốt. Điều 431 quy định tội trộm cắp đồ vật trong lăng, tội thiếu trách nhiệm của quan giữ lăng để xảy ra trộm cắp hoặc đồ thờ hư nát. Các tội phạm này có quan hệ nhất định với nhau nhưng việc quy định nhiều tội phạm cụ thể trong một điều luật sẽ dẫn đến sự chồng chéo trong các quy định và gây khó khăn cho

người áp dụng pháp luật trong xét xử tội phạm. Do cách quy định này nên mỗi điều luật về tội phạm cụ thể không thể có một tội danh chung bao quát toàn bộ các hành vi phạm tội, được coi như tên của điều luật trong nhiều bộ luật hình sự hiện đại ngày nay. Với cách quy định này, các nhà lập pháp cũng không thể xây dựng nên các loại cấu thành tội phạm cơ bản, tăng nặng, giảm nhẹ của một tội phạm cụ thể.

Khi quy định về tội trộm cắp tài sản hoặc một tội phạm khác, các nhà lập pháp luôn căn cứ chủ yếu vào hành vi phạm tội cụ thể. Hành vi đó còn được bổ sung bằng các tình tiết về đối tượng tác động của tội phạm, chủ thể hoặc nhân thân người phạm tội và hoàn cảnh phạm tội. Đây là các quy định rất chi tiết về tội phạm cụ thể nói chung và tội trộm cắp tài sản nói riêng, tương ứng với mỗi hành vi phạm tội cụ thể là hình phạt cố định với loại và mức cụ thể cho người phạm tội trộm cắp tài sản.

3. Ngoài các đặc điểm chung của luật hình sự phong kiến Việt Nam như hình phạt có tính chất tàn khốc khi dựa vào ngũ hình, hình phạt được áp dụng không bình đẳng đối với người phạm tội có thân phận khác nhau, quan lại hoặc họ hàng thân thích của nhà vua được giảm hoặc miễn hình phạt... thì các quy định về hình phạt và biện pháp tư pháp đối với người phạm tội trộm cắp tài sản còn có một số đặc điểm riêng sau:

- *Thứ nhất*, hình phạt đối với người phạm tội trộm cắp tài sản của nhà vua luôn là tử hình. Nội dung trên được quy định trong các điều 430, 431 về tội trộm cắp tài sản của nhà vua như ấn, xe, kiệu, đồ ngự dụng khác hoặc là đồ vật được dâng thờ

trong các lăng miếu.

- *Thứ hai*, bên cạnh các hình phạt chính trong ngũ hình, Bộ luật Hồng Đức còn quy định hình phạt bổ sung đối với người phạm tội. Các hình phạt bổ sung có thể áp dụng đối với người phạm tội trộm cắp tài sản là tịch thu điền sản (các điều 430, 431) hoặc tịch thu trang trại (Điều 455).

- *Thứ ba*, người phạm tội trộm cắp tài sản phải bồi thường thiệt hại cho người chủ sở hữu với các mức cụ thể khác nhau: Một phần ba tang vật (Điều 429) hoặc gấp đôi (Điều 435, 436).

- *Thứ tư*, một số quy định có nội dung thể hiện sự nhân đạo đối với người phạm tội là phụ nữ như giảm hình phạt một bậc đối với phụ nữ phạm tội trộm cắp tài sản ở giai đoạn phạm tội chưa đạt (Điều 450) hoặc phạm tội trộm cắp gà, lợn, lúa má (Điều 446).

- *Thứ năm*, Bộ luật quy định hình thức khen thưởng cho người cáo giác hành vi chứa chấp người phạm tội trộm cắp tài sản trong các trang trại. Hình thức khen thưởng là một phần mười số ruộng đất trang trại bị tịch thu (Điều 455)./.

(1).Xem: Quốc triều hình luật, Luật hình triều Lê, Luật Hồng Đức, Nxb. Chính trị quốc gia (1995).

(2). Tử hình là loại hình phạt cao nhất trong hệ thống hình phạt có tên là ngũ hình. Ngũ hình bao gồm: xuy (đánh bằng roi), trượng (đánh bằng gậy), đồ (khô sai), lưu (đày đi nơi khác) và tử (tử hình). Người phạm tội trộm cắp tài sản có thể bị xử tử hình và được thực hiện bằng hình thức chém đầu.

(3),(4).Xem: PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hoà (2004), "*Vấn đề tội phạm trong Quốc triều hình luật*", Quốc triều hình luật, Lịch sử hình thành nội dung và giá trị, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 206, 218.

(5).Xem: Bộ luật hình sự của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia (2000), tr. 39.